

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI LAI
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 01 – 02 – 2023.

V/v: “*Xin ly hôn, nuôi dưỡng
con chung*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nguyễn Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Văn Tìl; Ông Lê Hoàng Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 274/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “*Xin ly hôn, nuôi dưỡng con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 674/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Tăng Thị Bé N**, sinh năm 1995 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện P, tỉnh H.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi cần được bảo vệ: **Nguyễn Gia H**, nam, sinh năm ngày 19/4/2020.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Tăng Thị Bé N trình bày:

Vào năm 2019 bà và ông Nguyễn Văn K quen biết, tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 20/12/2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, vợ chồng không còn tình cảm nên

sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn K.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Gia H, nam, sinh ngày 19/4/2020. Bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

+ *Về việc giải quyết vụ án:* Qua nghiên cứu hồ sơ, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn tham gia hòa giải, xét xử nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do, thể hiện bị đơn không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này. Do đó hôn nhân giữa bà Tăng Thị Bé N và ông Nguyễn Văn K đã mâu thuẫn nghiêm trọng, không thể hàn gắn được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N. Về con chung cần ổn định cuộc sống, không bị xáo trộn nên yêu cầu nuôi dưỡng con chung của bà N là có căn cứ để chấp nhận. Về tài sản chung, nợ chung: đề nghị ghi nhận ý kiến của nguyên đơn không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, khi các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Tăng Thị Bé N có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn K nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi dưỡng con chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Tăng Thị Bé N xin vắng mặt; Bị đơn ông Nguyễn Văn K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông K theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Tăng Thị Bé N và ông Nguyễn Văn K tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà Tăng Thị Bé N thời gian đầu vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, dần dần tình cảm vợ chồng không còn, ông bà đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Văn K tham gia hòa giải nhưng ông K vắng mặt. Xét thấy hôn nhân giữa bà Tăng Thị Bé N và ông Nguyễn Văn K đã mâu thuẫn nghiêm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Tăng Thị Bé N.

[3] Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Gia H, nam, sinh ngày 19/4/2020. Bà Tăng Thị Bé N có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành. Từ trước đến nay cháu Nguyễn Gia H do bà Tăng Thị Bé N trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy để đảm bảo ổn định cuộc sống và sự phát triển bình thường của cháu Nguyễn Gia H, Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục giao Nguyễn Gia H cho bà Tăng Thị Bé N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Ghi nhận ý kiến của bà Tăng Thị Bé N không yêu cầu ông Nguyễn Văn K cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận ý kiến của bà Tăng Thị Bé N không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp thì khởi kiện thành vụ án khác.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Tăng Thị Bé N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84
Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày
30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,
nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tăng Thị Bé N.
2. Về quan hệ hôn nhân: Bà Tăng Thị Bé N ly hôn ông Nguyễn Văn K.
3. Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Gia H, nam, sinh ngày 19/4/2020. Giao Nguyễn Gia H cho bà Tăng Thị Bé N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Ông Nguyễn Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Nguyễn Văn K, không ai được ngăn cản ông K thực hiện quyền này.

Vì lợi ích con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận ý kiến của bà Tăng Thị Bé N không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp thì khởi kiện thành vụ án khác.

5. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Tăng Thị Bé N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà Tăng Thị Bé N đã nộp theo biên lai thu số 0005815 ngày 15/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ thành án phí nên bà N không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS huyện Thới Lai;
- THA huyện Thới Lai;
- UBND xã T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Phan Nguyễn Minh Trí